

Số: /BC-TrTHCS

Đồng Thái, ngày ... tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG:

- Tên trường: Trường trung học cơ sở Yên Thái
- Địa chỉ: xóm Dầu, xã Đồng Thái, tỉnh Ninh Bình
 - Số điện thoại: 0916138182
 - Website: <https://thcsyenthai.ninhbinh.edu.vn>
 - Email: c2yenthaiyenmo.ninhbinh@moet.edu.vn
- Loại hình; Chức năng, nhiệm vụ:
 - Loại hình: Công lập
 - Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Đồng Thái
 - Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện công tác phổ cập trung học cơ sở tại xã Đồng Thái.
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mệnh:

- Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

4.2. Tầm nhìn:

- Đến năm 2030, trường THCS Yên Thái có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng mức 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức 2; là địa chỉ tin cậy về chất lượng giáo dục của nhân dân trong xã.

4.3. Mục tiêu:

4.3.1. Mục tiêu tổng quát:

- Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, hướng tới “công dân toàn cầu”.

4.3.2. Các mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và

phương pháp mới.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý giáo dục. Đổi mới công tác quản lý giáo dục phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục.
- Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa tương ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.
- Đến 2030, trường có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng mức 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức 2.

5. Quá trình thành lập và phát triển:

- Trường trung học cơ sở Yên Thái - tiền thân là Trường cấp II Yên Thái - được thành lập năm 1961. Từ năm 1976 đến năm 1989 được sáp nhập với Trường cấp I thành Trường Phổ thông cơ sở Yên Thái. Năm 1990, trường được tách ra lấy tên là Trường Trung học cơ sở Yên Thái. Trường thuộc địa bàn miền núi, đóng tại xóm Dầu, xã Yên Thái, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Tháng 4 năm 2009, Nhà trường được UBND tỉnh Ninh Bình công nhận trường trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia; tháng 4 năm 2014 được công nhận tái chuẩn Quốc gia; tháng 4 năm 2015, được công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3; tháng 7 năm 2020 được công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Với 64 năm xây dựng và trưởng thành, liên tục nhiều năm học, Nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đây là sự khẳng định về chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường trong những năm vừa qua, đồng thời cũng là tiền đề quan trọng để nhà trường xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn sau với mục tiêu duy trì trường đạt chuẩn Quốc gia, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phấn đấu trở thành một địa chỉ tin cậy của nhân dân, học sinh trên địa bàn xã.

- Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của công nghệ 4.0, nước nhà đòi hỏi phải có con người Việt Nam mới sáng tạo năng động, có kỹ năng sống, yêu nước, yêu CNXH, hướng tới “công dân toàn cầu”, nhà trường luôn phấn đấu vì mục tiêu đó.

6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện:

Người đại diện pháp luật: Phạm Thúc Dũng.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm Dầu, Đồng Thái, Ninh Bình

Số điện thoại: 0915048357

Email: phamthucdung@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1 Quyết định thành lập trường:

- Trường được thành lập từ năm 1961; Hiện nay không còn Quyết định thành lập

trường.

7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 4266/QĐ-UBND, ngày 24/8/2022 về việc điều động, luân chuyển và bổ nhiệm ông Phạm Thúc Dũng giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Yên Thái.

Quyết định bổ nhiệm phó Hiệu trưởng: Quyết định số 286/QĐ-UBND, ngày 22/01/2024 về việc bổ nhiệm lại ông Trần Mạnh Hùng giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường THCS Yên Thái.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

* Cơ chế hoạt động của trường THCS Yên Thái

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp.

Trường THCS Yên Thái là cơ sở giáo dục trung học cơ sở (THCS) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã Đồng Thái.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục(HĐGD).

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Hiệu trưởng	1	0	0	0	01	0	
Phó Hiệu trưởng	1	0	0	0	01	0	
Giáo viên	16	10	0	01	15	0	
Nhân viên	4	3	0	0	4	0	2 HĐ
Cộng	22	13	0	01	21	0	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Yên Thái năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	CD
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	22	0	0	18	1	3	0	4	14	0	17	1	0	0
I	Giáo viên	16	0	0	15	1	0	0	5	12	0	15	1	0	0
1	Toán	3	0	0	3	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0
2	KHTN	3	0	0	3	0	0	0	1	2	0	3	0	0	0
3	Công nghệ	01	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
4	Tin học	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
5	Ngữ văn	4	0	0	4	0	0	0	0	4	0	4	0	0	0
6	Tiếng Anh	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0
7	GDCD	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
8	Lịch sử-Địa lý	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
9	GDTC	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	NT (Mỹ Thuật)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	NT (Âm nhạc)	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
12	HĐTN-HN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	GĐDP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	CD
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	22	0	0	18	1	3	0	4	14	0	17	1	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
III	Nhân viên	4	0	0	1	0	3	0							
1	NV văn thư	1	0	0	0	0	1	0							
2	NV kế toán	1	0	0	1	0	0	0							
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0							
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0							
5	NV thư viện	1	0	0	0	0	1	0							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0							
4	NV hỗ trợ giáo dục NKT	0	0	0	0	0	0	0							
8	Nhân viên CNTT	0	0	0	0	0	0	0							
9	Bảo vệ (HĐLĐ)	1	0	0	0	0	0	1							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin CSVC của THCS Yên Thái đến tháng 12 năm 2025 cụ thể:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	12	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	

4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	7	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	10/10	1
8	Bình quân học sinh/lớp	406/10	40,6
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	7.155	1.005m ² chưa cấp sổ đỏ
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.100m ²	30%
VI	Tổng diện tích các phòng	/	/
1	Diện tích phòng học (m ²)	45	1,11
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	65	1.60
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	30	
3	Diện tích thư viện (m ²)	65	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	500	
5	Diện tích phòng Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	45	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 6	1	1/2
1.2	Khối lớp 7	1	1/2
1.3	Khối lớp 8	1	1/2
1.4	Khối lớp 9	1	1/2
1.5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	300m ²	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
1	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	18	22,5
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	1	Số thiết bị/lớp

1	Ti vi	17	17/17
2	Loa bluetooth	1	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Thiết bị khác	1	

(*Theo Thông tư số [32/2020/TT-BGDĐT](#) ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ GD&ĐT, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Nhà trường đạt KĐCL GD cấp độ 3 (giai đoạn 2020-2025) và được UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 giai đoạn 2020-2025 tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh Ninh Bình.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

Thực hiện nguyên lý giáo dục “Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lí luận gắn liền với thực tiễn”. Trường THCS Yên Thái đề ra và thực hiện kế hoạch, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đẩy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém/chưa đạt cũng được quan tâm đúng mức.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp của BGD&ĐT. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: Tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi hằng năm đều tăng; học sinh giỏi các cấp mỗi năm đều được duy trì về số lượng và chất lượng.

- Kết quả tuyển sinh lớp 6 năm học 2025-2026: 3 lớp/113 học sinh. Chuyển đến thêm 02 học sinh.

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
6	115	3	61	0	0
7	92	2	46	0	1
8	120	3	60	0	1
9	79	2	37	0	1
Toàn trường	406	10	204	0	03

- Chất lượng giáo dục học kì I năm học 2025-2026 cụ thể:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số HS chia theo kết quả rèn luyện	406	115	92	120	79
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	359 (88,42)	105 (91,30)	75 (81,52)	112 (93,33)	67 (84,81)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40 (9,85)	8 (6,96)	13 (14,13)	8 (6,67)	11 (13,92)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7 (1,72)	2 (1,74)	4 (4,35)		1 (1,27)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	406	115	92	120	79
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	61 (15,02)	8 (6,96)	20 (21,74)	15 (12,5)	18 (22,78)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	213 (52,46)	68 (59,13)	41 (44,57)	63 (52,5)	41 (51,9)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	120 (29,56)	35 (30,43)	28 (30,43)	38 (31,67)	19 (24,05)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12 (2,96)	4 (3,48)	3 (3,26)	4 (3,33)	1 (1,27)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025

a. Nguồn ngân sách:

NỘI DUNG/ NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
Dự toán năm 2024 chuyển sang (1)	80.053.300	
Dự toán giao đầu năm (2) (6217 ngày 20/12/2024)	4.953.487.000	15.000.000
Dự toán bổ sung (3)(QĐ 1275 ngày 10/3/2025)		120.000.000
Dự toán bổ sung (4) (3866; 3867 ngày 29/5/2025)	65.852.000	7.208.000
Dự toán bổ sung (5)(QĐ tiết kiệm 10%)	-9.500.000	
Dự toán bổ sung (6) (4336 ngày 26/6/2025)	67.909.000	
Dự toán bổ sung (7) (2127 ngày 2/12/2025) (học phí)		93.480.000
Dự toán BS (8) (2186 ngày 16/12/2025) Thuởng NĐ73		255.000.000
Dự toán BS (9) (2226 ngày 30/12/2025) (học phí)		152.520.000
Dự toán BS (10) (57 ngày 12/01/2025) (KT, Hộ nghèo)		57.683.000
Dự Toán thu: (1+2+3+4+6+7+8+9+10-5)	5.157.801.300	700.891.000
Dự Toán chi	5.105.001.100	700.853.000
1. Tiền lương, phụ cấp, GV dạy người khuyết tật...	3.931.693.500	300.083.000
2. Các khoản đóng góp	667.257.700	
3. Chi tiền thưởng NĐ: 73/2024		255.000.000
6. Chi dạy tăng giờ cho đồng chí ngoan nghỉ TS	67.100.000	
7. Phúc lợi tập thể (lễ tết, 20/11...)	154.000.000	
8. Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước...)	44.606.500	
9. Vật tư văn phòng	28.012.100	
10. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1.988.900	
11. Công tác phí, xăng xe GV đi tập huấn...	10.520.000	
12. Chi phí thuê mượn bảo vệ....	46.767.600	
14. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (HĐGV, BDGV, HS tham gia các cuộc thi....)	126.654.800	
15. Mua sắm tài sản (thiết bị dạy học)		119.962.000
16. Chi khác (Trục tết, lễ tết....)	1.300.000	
17. Hỗ trợ chi phí học tập		10.808.000
19. Chi các phần mềm TV, TB, QLTS...		15.000.000

20. Chi sửa chữa máy tính, máy in, ti vi...	17.000.000	
Chi học phẩm giáo viên	8.100.000	
Dự Toán còn lại	52.800.200	
Chuyển sang năm 2026	52.800.200	
Kinh phí hủy (Nhà nước thu hồi)		38.000

b. Nguồn dịch vụ:

Stt	Chỉ tiêu	Tổng số	Tổng thu	Tổng chi	Còn lại	Ghi chú
1	Tổng thu tiền dọn vệ sinh,	400 HS	24.000.000	12.760.400	11.239.600	
2	Tổng thu tiền quỹ đội	406HS	8.120.000	0	8.120.000	

c. Nguồn xã hội hóa giáo dục năm học 2025 - 2026:

Stt	Nội dung	Tổng số	Tổng thu	Tổng chi	Ghi chú

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026:

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	9	2.708.000	
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ	11	8.100.000	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	6	4.500.000	
Học kỳ 1 năm học 2025-2026	5	3.600.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025

SỐ TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2025-2026			
1	Dọn vệ sinh	đồng/học sinh/ năm học	60.000đ/ năm học	CV927/SGDĐT ngày 25/9/2025
2	Thu quỹ đội	đồng/học sinh/năm	20.000đ/năm học	CV927/SGDĐT ngày 25/9/2025

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2025

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng		
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	52.800.200	Để chi lương
III	Số dư tiền gửi tại ngân hàng	Đồng	206.158.623	Để chi lương
IV	Số dư tiền gửi tại ngân hàng	Đồng	19.359.600	Để chi tiền quỹ đội, dọn vệ sinh

5. Công khai dự toán thu, chi năm 2026

TT	Nội dung	DT thu năm 2026	Dự toán chi năm 2026
1	2	3	4
	Dự toán năm 2025 chuyển sang	52.800.200	
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước (QĐ 2216 ngày 29/12/2025)	5.068.968.458	
	Quỹ lương	4.341.838.458	
	Thưởng theo ND 73	256.230.000	
	Chi hoạt động	455.900.000	
	Các phần mềm	15.000.000	
1	Dự kiến chi	5.068.968.458	
	Tiền lương	2.608.912.800	
	Phụ cấp theo lương	1.064.184.900	

Các khoản đóng góp	668.740.758	
Tiền thưởng NĐ 73	256.230.000	
Phúc lợi tập thể (tết dương lịch, AL,	110.000.000	
Chi thưởng NĐ 73	256.230.000	
Thanh toán dịch vụ công cộng (điện,	31.500.000	
Vật tư văn phòng	26.740.000	
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	3.960.000	
Công tác phí, xăng xe GV đi tập huấn...	39.000.000	
Chi phí thuê mướn	44.400.000	
Chi thuê GVHD	180.000.000	
Chi đồng phụ TD	2.340.000	
Chi hồ sơ sổ sách chuyên môn	3.500.000	
Chi các phần mềm	15.000.000	
Chi mua sắm lễ, tết, chè...	10.860.000	

Nơi nhận:

- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG**Phạm Thúc Dũng**